

Bản án số: **103/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 02-7-2024

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Thị Kim Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Tài;
2. Ông Lương Văn Ánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp về ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lương Thị Oanh Y, sinh năm 1969. Địa chỉ: số D, đường G, tổ A, khu phố C, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. *Vắng mặt.*

**- Bị đơn:** Ông Ngô N, sinh năm 1969. Hộ khẩu thường trú: số D, đường G, tổ A, khu phố C, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký tạm trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2024, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - bà Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là huyện N), tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết

hôn số 02 ngày 08/10/1991. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2003 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do ông N thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về chửi bới, xúc phạm bà và không có trách nhiệm với gia đình, không phụ giúp con cái ăn học. Từ năm 2014 đến nay bà và ông N sống ly thân, không còn quan tâm nhau. Nay bà thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Lương Thanh T, sinh ngày 08/9/1994 và Ngô Lương Thanh T1, sinh ngày 27/10/1996. Hiện nay, các con đã thành niên và tự lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại các biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2024 và 16/5/2024, bị đơn - ông N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Y tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là huyện N), tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 08/10/1991. Hiện nay ông bị đau nên ông không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông không yêu cầu bà Y cấp dưỡng cho ông vì ông tự lo cho bản thân được và hiện ông có thu nhập từ việc buôn bán hoa Lan. Ông và bà Y không chung sống, không quan tâm đến nhau ba năm nay, từ khi ông về Q sinh sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Lương Thanh T, sinh ngày 08/9/1994 và Ngô Lương Thanh T1, sinh ngày 27/10/1996. Hiện nay các con đã thành niên, có khả năng lao động tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại*

phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lương Thị Oanh Y có quan hệ hôn nhân hợp pháp với ông Ngô N; hiện nay ông N có đăng ký tạm trú và đang sinh sống, làm việc tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Nay, bà Y xin ly hôn với ông N nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông N tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là huyện N), tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 08/10/1991 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo bà Y, sau khi kết hôn bà và ông N chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do ông N thường nhậu nhẹt say xỉn về chửi bới, xúc phạm bà và không có trách nhiệm với gia đình, không phụ giúp con cái học tập. Ông N không có ý kiến gì về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và không đồng ý ly hôn do ông đang bị đau. Quá trình giải quyết vụ án, bà Y đều cương quyết xin ly hôn, còn ông N không ký vào các biên bản lấy lời khai của Tòa án, từ chối nhận các văn bản tố tụng, không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do. Bà Y và ông N đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau nhiều năm nay. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Y, ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: Bà Y và ông N có 02 con chung tên Ngô Lương Thanh T, sinh ngày 08/9/1994 và Ngô Lương Thanh T1, sinh ngày 27/10/1996. Hiện tại các con đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, bà Y và ông N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy

định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lương Thị Oanh Y** đối với ông **Ngô N** về việc "*Tranh chấp về ly hôn*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà **Lương Thị Oanh Y** và ông **Ngô Nhị**.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng bà **Lương Thị Oanh Y** phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà **Y** đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010344 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam (Giấy CNKH số 02 ngày 08/10/1991);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Thị Kim Phượng**